**Use Case “Pay Order”**

**1. Use case code:**

* UC002

**2. Brief Description**

* Usecase này mô tả sự tương tác giữa khách hàng và phần mềm AIMS khi khách hàng thao tác thanh toán đơn hàng trên phần mềm

**3. Actors**

**3.1. Name of Actor 1**

* Khách hàng
* VNPay

**4. Preconditions**

* Khách hàng đã điền đủ thông tin giao hàng với đơn hàng hợp lệ (các sản phẩm và số lượng sản phẩm tồn kho đều hợp lệ)

**5. Basic Flow of Events**

1. Khách hàng yêu cầu thanh toán đơn hàng

2. Hệ thống hiển thị tóm tắt đơn hàng (thông tin vận chuyển, sản phẩm)

3. Khách hàng chọn phương thức giao hàng (giao hàng nhanh hay bình thường)

4. Hệ thống AIMS kiểm tra xem địa chỉ giao hàng được hỗ trợ giao hàng nhanh hay không

5. Khách hàng chọn phương thức thanh toán (VNPay)

6. Hệ thống kết nối với VNPay bắt đầu quy trình thanh toán

7. Khách hàng cung cấp thông tin thanh toán cần thiết theo yêu cầu của VNPay

8. VNPay xử lý thanh toán và gửi phản hồi về hệ thống, cho biết giao dịch có thành công hay không

9. Hệ thống xác nhận đơn hàng và hiển thị thông báo thành công cùng với các chi tiết giao dịch  
10. Hệ thống làm rỗng giỏ hàng

11. Hệ thống gửi email xác nhận cho khách hàng, bao gồm thông tin về đơn hàng và thanh toán

**6. Alternative flows**

Table 1: Alternative flows of events for UC Pay order

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **No** | **Location** | **Condition** | **Action** | **Resume location** |
| 1. | Bước 8 | Nếu thông tin thanh toán không hợp lệ | Phần mềm AIMS thông báo thông tin thanh toán không hợp lệ, yêu cầu nhập lại | Bước 7 |
| 2. | Bước 8 | Nếu thanh toán không thành công | Phầm mềm AIMS thông báo “Thanh toán thất bại”, Yêu cầu kiểm tra lại thông tin thanh toán. | Bước 7 |
| 3. | Bước 8 | Nếu yêu cầu thanh toán bị hủy | Phầm mềm AIMS thông báo “Thanh toán thất bại” | Bước 3 |

**7. Input data**

Table 2: Input data of pay order form

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| No | Data fields | Description | Mandatory | Valid condition | Example |
| 1. | Phương thức giao hàng | Phương thức giao hàng nhanh hay bình thường | Có | Không để trống | Giao hàng nhanh |
| 2. | Phương thức thanh toán | Phương thức thanh toán với VNPay (Tạm thời chỉ có 1 lựa chọn) | Có | Không để trống | VNPay |

Table 3: Input data of VNPay form

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| No | Data fields | Description | Mandatory | Valid condition | Example |
| 1. | Loại hàng hóa | Chọn laoij hình thanh toán (thanh toán hóa đơn, nạp điện thoại,...) | Có | Không để trống | Thanh toán hóa đơn |
| 2. | Số tiền | Số tiền thanh toán | Có | Giá tiền, đơn vị VND | 500000 VND |
| 3. | Nội dung thanh toán | Nội dung thanh toán đơn hàng | Có | Không để trống | Thanh toan don hang thoi gian: 2024-09-17 17:29:33 |
| 4. | Ngân hàng | Chọn 1 trong list ngân hàng có sẵn | Có | Không để trống | Viettinbank |
| 5. | Ngôn ngữ | Chọn giữa tiếng việt và tiếng anh |  |  | Tiếng việt |
| 6. | Phương thức thanh toán | Phương thức thanh toán có trong VNPay (Ứng dụng thanh toán hỗ trợ VNPay, Thẻ thanh toán quốc tế, Ví điện tử VNPay) | Có | Không để trống | Ứng ụng thanh toán hỗ trợ VNPay |

**8. Output data**

Table 4: Output data of invoice

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| No | Data fields | Description | Display format | Example |
| 1. | Sản phẩm | Tiêu đề của sản phẩm truyền thông | Sâu kí tự | DVD Phim |
| 2. | Giá sản phẩm | Giá của sản phẩm truyền thông tương ứng | 1. Dấu phẩy cho phân cách nghìn 2. Số nguyên dương 3. Căn phải | 123,000 |
| 3. | Số lượng sản phẩm | Số lượng của sản phẩm truyền thông tương ứng | Số nguyên dương  Căn phải | 3 |
| 4. | Hình thức vận chuyển | Hình thức vận chuyển nhanh hay bình thường | Sâu ký tự | Giao hàng nhanh |
| 5. | Amount | Tổng tiền của sản phẩm truyền thông tương ứng | 1. Dấu phẩy cho phân cách nghìn 2. Số nguyên dương 3. Căn phải | 369,000 |
| 6. | Tổng đơn hàng trước VAT | Tổng giá của các sản phẩm trong giỏ hàng trước VAT | 1,980,000 |
| 7. | Phí ship |  | 50,000 |
| 8. | Tổng tiền | Tổng tiền đơn hàng bao gồm VAT, phí ship | 2,030,000 |

Table 5: Output data of pay order form

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| No | Data fields | Description | Display format | Example |
| 1. | Trang thái thanh toán | Trạng thái sau khi người dùng hoàn thành thao tác thanh toán đơn hàng | Boolean | True |
| 2. | Thời gian giao dịch | Thời gian thực hiện thanh toán thành công | Chuỗi định dạng dd/mm/yyyy | 09/02/2024 |

**9. Postconditions**

* Đơn hàng đã được xác nhận và ghi nhận thành công trong hệ thống.
* Giỏ hàng của khách hàng đã được làm rỗng sau khi thanh toán thành công.
* Khách hàng đã nhận được email xác nhận về đơn hàng và thông tin thanh toán.